

CỤC THUẾ
TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN

NHỮNG ĐIỀU NGƯỜI NỘP THUẾ CẦN BIẾT
VỀ LUẬT QUẢN LÝ THUẾ SỐ 108/2025/QH15

Tài liệu dùng để tuyên truyền, phổ biến những nội dung mới, tác động trực tiếp đến người nộp thuế

Hà Nội, tháng 6 năm 2026

LỜI NÓI ĐẦU

Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025, gồm 09 chương, 53 điều, quy định việc quản lý các loại thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026; riêng quy định tại Điều 13 và việc sử dụng hóa đơn điện tử của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại Điều 26 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Luật kế thừa các quy định còn phù hợp của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, đồng thời bổ sung nhiều quy định mới để đáp ứng yêu cầu quản lý trong bối cảnh chuyển đổi số, phát triển thương mại điện tử, kinh tế số, giao dịch xuyên biên giới và yêu cầu cải cách thủ tục hành chính.

Tài liệu này được biên soạn nhằm giúp người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và các tổ chức, cá nhân có liên quan dễ tiếp cận các quy định mới của Luật; chủ động chuẩn bị dữ liệu, hồ sơ, phương thức giao dịch điện tử và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ trong quản lý thuế.

Nội dung tài liệu được trình bày theo ngôn ngữ phổ thông, dễ tra cứu và chỉ có giá trị tham khảo, tuyên truyền. Khi thực hiện nghĩa vụ thuế, người nộp thuế cần căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

CĂN CỨ PHÁP LÝ CHÍNH ĐỂ TRA CỨU

Nội dung cần tra cứu	Căn cứ trong Luật số 108/2025/QH15
Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Điều 1, Điều 2
Phân nhóm người nộp thuế trong quản lý thuế	Điều 3
Giải thích từ ngữ: Thuế, Khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu, Khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu để tách bạch giữa “thuế” và “khoản thu khác”. Luật bổ sung cụm từ “khoản thu khác” vào nội dung giải thích từ ngữ đối với: Tiền thuế nợ; Kỳ tính thuế, khoản thu khác; Hồ sơ thuế; Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế và bổ sung thêm cụm từ “khoản thu khác” tại 16 Điều	Điều 4 16 Điều (gồm: Điều 6, Điều 8, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 33, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 42).
Nguyên tắc quản lý thuế; bảo mật, công khai thông tin	Điều 6, Điều 7
Đăng ký thuế, mã số thuế và sử dụng số định danh cá nhân	Điều 10, Điều 11
Khai thuế, khai bổ sung, khấu trừ, khai thay, nộp thay	Điều 12
Quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Điều 13
Nộp thuế, mã định danh khoản phải nộp, tiền chậm nộp	Điều 14, Điều 16
Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế tự động	Điều 17, Điều 18, Điều 19
Khoanh tiền thuế nợ, xóa tiền thuế nợ	Điều 20, Điều 21
Kiểm tra thuế, ấn định thuế	Điều 22, Điều 24
Hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử	Điều 26, Điều 27
Hợp tác quốc tế về thuế, quản lý thuế quốc tế	Điều 28 đến Điều 31
Quản lý rủi ro, quản lý tuân thủ, hệ thống thông tin quản lý thuế	Điều 32 đến Điều 36
Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế	Điều 37
Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp	Điều 52, Điều 53

PHẦN I. LUẬT QUẢN LÝ THUẾ SỐ 108/2025/QH15 – NHỮNG NỘI DUNG NGƯỜI NỘP THUẾ CẦN BIẾT

1. Vì sao ban hành Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15?

Sau hơn 05 năm thi hành Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, công tác quản lý thuế đã đạt nhiều kết quả trong hiện đại hóa, mở rộng dịch vụ thuế điện tử, triển khai hóa đơn điện tử và cải cách thủ tục hành chính. Tuy nhiên, thực tiễn phát triển nhanh của thương mại điện tử, kinh tế số, giao dịch xuyên biên giới, mô hình kinh doanh mới và yêu cầu kết nối dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước đòi hỏi khuôn khổ pháp lý về quản lý thuế tiếp tục được hoàn thiện.

Luật số 108/2025/QH15 được ban hành để đổi mới phương thức quản lý thuế theo hướng hiện đại, dựa trên dữ liệu, quản lý rủi ro và quản lý tuân thủ; đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng, lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ.

Điểm cần nhấn mạnh khi tuyên truyền là Luật không đặt ra sắc thuế mới. Luật chủ yếu sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý thuế, phương thức thực hiện nghĩa vụ thuế, cơ chế phối hợp và ứng dụng công nghệ để phù hợp với bối cảnh mới.

Căn cứ pháp lý chính: Điều 1, Điều 5, Điều 6, Điều 32 đến Điều 36 và Điều 52.

2. Luật hướng tới những mục tiêu gì?

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý về quản lý thuế phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số quốc gia và hội nhập quốc tế.
- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, mở rộng giao dịch điện tử, giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.
- Quản lý thuế trên cơ sở dữ liệu, phân nhóm người nộp thuế, quản lý rủi ro và quản lý tuân thủ để sử dụng hiệu quả nguồn lực quản lý.
- Hoàn thiện cơ chế quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, thương mại điện tử, nền tảng số và các giao dịch xuyên biên giới.
- Bảo đảm tốt hơn quyền của người nộp thuế: được hỗ trợ, tra cứu nghĩa vụ thuế, nhận thông báo điện tử, không phải nộp lại thông tin mà cơ quan quản lý thuế đã có, được bảo mật thông tin theo quy định.
- Tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin giữa cơ quan thuế với các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật.

Căn cứ pháp lý chính: Điều 3, Điều 6, Điều 13, Điều 32, Điều 34, Điều 35 và Điều 37.

3. Người nộp thuế được hưởng lợi gì?

Luật tạo nền tảng để cơ quan thuế chuyển mạnh sang phục vụ trên môi trường điện tử và xử lý hồ sơ dựa trên dữ liệu. Người nộp thuế có điều kiện thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, tra cứu nghĩa vụ thuế và nhận thông báo qua tài khoản giao dịch điện tử thuận lợi hơn.

- Giảm việc cung cấp lại chứng từ, tài liệu, thông tin đã có trong hồ sơ thuế hoặc trong cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý thuế.
- Được tra cứu tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế, nhận thông báo về số tiền thuế nợ qua tài khoản giao dịch điện tử.

- Được xem xét áp dụng chế độ ưu tiên khi đáp ứng điều kiện về tuân thủ và rủi ro theo quy định.
- Được bảo vệ quyền lợi khi xảy ra sự cố kỹ thuật của Hệ thống thông tin quản lý thuế làm người nộp thuế không thể thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn.
- Được hỗ trợ tốt hơn thông qua tờ khai gợi ý, dữ liệu hóa đơn điện tử, mã định danh khoản phải nộp và các tiện ích điện tử theo lộ trình triển khai.

Căn cứ pháp lý chính: Điều 14, Điều 18, Điều 32, Điều 35, Điều 36 và Điều 37.

4. Người nộp thuế cần ghi nhớ điều gì?

Luật số 108/2025/QH15 đặt trọng tâm vào tuân thủ tự nguyện. Người nộp thuế càng chủ động cập nhật thông tin, kê khai đầy đủ, nộp thuế đúng hạn, lưu giữ chứng từ, sử dụng hóa đơn điện tử và phối hợp với cơ quan thuế thì càng giảm rủi ro pháp lý và thuận lợi hơn trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính về thuế.

Đối với người nộp thuế, việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý thuế góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí và thời gian tuân thủ, nâng cao tính thuận tiện, minh bạch trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế.

PHẦN II. NHỮNG ĐIỂM MỚI, NỘI DUNG TRỌNG TÂM NGƯỜI NỘP THUẾ CẦN BIẾT

1. Phạm vi áp dụng và đối tượng người nộp thuế

Luật áp dụng đối với người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Người nộp thuế bao gồm tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân, cá nhân kinh doanh; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác; tổ chức, cá nhân thực hiện khấu trừ, nộp thay theo quy định.

Người nộp thuế cần xác định đúng nghĩa vụ thuế tương ứng với hoạt động sản xuất, kinh doanh, thu nhập phát sinh và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước.

Căn cứ pháp lý chính: Điều 1 và Điều 2.

2. Phân nhóm người nộp thuế trong quản lý thuế

Cơ quan thuế thực hiện phân nhóm người nộp thuế để xác định chế độ ưu tiên, phân bổ nguồn lực quản lý và áp dụng biện pháp quản lý phù hợp. Tiêu chí phân nhóm gồm ngành nghề, lĩnh vực, đặc thù, phương thức hoạt động; loại hình pháp lý, cơ cấu sở hữu; quy mô hoạt động, quy mô doanh thu, số nộp ngân sách; mức độ tuân thủ và lịch sử tuân thủ pháp luật về thuế; các tiêu chí khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Việc phân nhóm không phải là thủ tục hành chính mới đối với người nộp thuế, mà là cơ sở để quản lý theo dữ liệu, khuyến khích tuân thủ tốt và tập trung nguồn lực vào trường hợp rủi ro cao.

Căn cứ pháp lý chính: Điều 3, Điều 33 và Điều 34.

3. Đăng ký thuế và sử dụng mã số thuế

Luật quy định phạm vi đăng ký thuế gồm đăng ký lần đầu, thay đổi thông tin đăng ký thuế, thông báo khi tạm ngừng hoạt động kinh doanh, chấm dứt hiệu lực mã số thuế và khôi phục mã số thuế.

Mã số thuế của cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là số định danh cá nhân của cá nhân, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được cấp theo pháp luật về căn cước. Người nộp thuế cần rà soát thông tin định danh, địa chỉ, thông tin liên hệ và thông tin đăng ký thuế để bảo đảm thống nhất với dữ liệu của cơ quan nhà nước.

Căn cứ pháp lý chính: Điều 10 và Điều 11.

4. Khai thuế, khai bổ sung hồ sơ khai thuế

Luật tiếp tục khẳng định nguyên tắc người nộp thuế khai chính xác, trung thực, đầy đủ và tự tính số tiền thuế phải nộp, trừ trường hợp cơ quan quản lý thuế tính và thông báo theo quy định.

Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp có sai, sót được khai bổ sung trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót, thuộc các trường hợp Luật quy định. Đối với nội dung đã thanh tra, kiểm tra, Luật quy định cơ chế người nộp thuế bổ sung hồ sơ giải trình để cơ quan thuế xem xét, chấp thuận trước khi điều chỉnh hồ sơ khai thuế trong trường hợp đáp ứng điều kiện.

Căn cứ pháp lý chính: Khoản 1, khoản 5 Điều 12.

5. Quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Đối với thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định doanh thu, số thuế phải nộp theo quy định pháp luật về thuế. Cơ quan thuế cung cấp thông tin, dữ liệu để hỗ trợ khai thuế, tính thuế.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế, Hệ thống thông tin quản lý thuế tự động tạo lập tờ khai thuế để hỗ trợ việc khai và tính thuế trên cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử, dữ liệu quản lý thuế và các nguồn dữ liệu khác.

Đối với hộ, cá nhân kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán, chủ quản nền tảng có trách nhiệm khấu trừ, khai thay và nộp thay số thuế đã khấu trừ. Trường hợp nền tảng không có đồng thời chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trực tiếp khai thuế, tính thuế và nộp thuế.

Căn cứ pháp lý chính: Điều 13.

6. Nộp thuế và mã định danh khoản phải nộp

Người nộp thuế nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt bằng phương thức điện tử hoặc trực tiếp theo quy định. Trường hợp khoản phải nộp đã được cơ quan quản lý thuế cung cấp mã định danh khoản phải nộp thì người nộp thuế thực hiện nộp theo mã định danh này.

Mã định danh khoản phải nộp là dãy ký tự được tạo trên Hệ thống thông tin quản lý thuế, có tính duy nhất cho từng khoản phải nộp của người nộp thuế. Việc sử

dụng đúng mã định danh khoản phải nộp giúp hạn chế sai sót trong hạch toán, bù trừ, tra cứu và đối chiếu nghĩa vụ thuế.

Căn cứ pháp lý chính: Khoản 2, khoản 4 Điều 14.

7. Tiền chậm nộp và xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế

Luật quy định các trường hợp phải nộp tiền chậm nộp, trong đó có chậm nộp so với thời hạn nộp, thời hạn gia hạn nộp, khai bổ sung làm tăng số thuế phải nộp hoặc giảm số thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu; trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát hiện khai thiếu nghĩa vụ thuế.

Mức tính tiền chậm nộp là 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp. Người nộp thuế tự xác định và nộp tiền chậm nộp; sau 30 ngày kể từ ngày nộp tiền thuế, khoản thu khác, tiền phạt mà chưa xác định số tiền chậm nộp thì cơ quan quản lý thuế xác định số tiền chậm nộp và thông báo cho người nộp thuế.

Căn cứ pháp lý chính: Điều 16.

8. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế

Luật quy định cụ thể trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong các trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; tổ chức lại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; trường hợp người nộp thuế là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự; trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý, trường hợp do thay đổi địa giới hành chính theo quy định của pháp luật; các trường hợp trước khi xuất cảnh; trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn.

Người nộp thuế cần chủ động tra cứu nghĩa vụ thuế, xử lý đầy đủ nghĩa vụ còn tồn tại trước khi thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động, tổ chức lại, chuyển địa điểm hoặc các giao dịch pháp lý quan trọng.

Căn cứ pháp lý chính: Điều 17.

9. Hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế tự động theo lộ trình

Luật bổ sung cơ sở pháp lý để cơ quan thuế triển khai hoàn thuế tự động trên cơ sở dữ liệu, tiêu chí quản lý rủi ro, quy trình xử lý tự động và bảo đảm an toàn thông tin. Việc triển khai được thực hiện theo từng giai đoạn, phù hợp điều kiện thực tế, hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin.

Luật cũng quy định cơ chế miễn thuế, giảm thuế tự động cho người nộp thuế trên cơ sở dữ liệu và quản lý rủi ro. Người nộp thuế vẫn cần lập hồ sơ, cung cấp thông tin khi thuộc trường hợp phải lập hồ sơ theo quy định và theo dõi trạng thái xử lý trên hệ thống điện tử.

Căn cứ pháp lý chính: Điều 18 và Điều 19.

10. Khoanh tiền thuế nợ, xóa tiền thuế nợ

Luật bổ sung trường hợp khoanh tiền thuế nợ đối với người nộp thuế bị hạn chế trên thực tế quyền khai thác, sử dụng về đất đai, khoáng sản được cấp, được giao do nguyên nhân từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền dẫn đến nợ nghĩa vụ tài chính về đất, khoáng sản.

Người nộp thuế tạm thời chưa bị tính tiền chậm nộp trong thời gian khoan tiền thuế nợ. Sau khi chấm dứt hiệu lực của quyết định khoan tiền thuế nợ, cơ quan quản lý thuế thực hiện tính đủ tiền chậm nộp kể từ thời điểm hết hạn nộp thuế theo quy định, trừ trường hợp nêu trên (sau khi chấm dứt khoan nợ không tính lại tiền chậm nộp cho thời gian được khoan theo quy định của Luật)

Căn cứ pháp lý chính: Điều 20 và Điều 21.

11. Kiểm tra thuế và ấn định thuế

Luật quy định nguyên tắc kiểm tra thuế áp dụng quản lý rủi ro và công nghệ thông tin, ưu tiên kiểm tra trực tuyến, từ xa trên dữ liệu điện tử; không cản trở hoạt động bình thường của người nộp thuế; không trùng lặp về nội dung, phạm vi, thời gian giữa cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước, trừ trường hợp có bằng chứng, căn cứ vi phạm cần kiểm tra lại.

Cơ quan thuế có quyền ấn định thuế trong các trường hợp Luật quy định như không đăng ký thuế, không khai thuế, khai thuế không đầy đủ, không trung thực, không chính xác về căn cứ tính thuế, không xuất trình sổ sách, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu cần thiết, sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp hoặc không tuân thủ quy định về giao dịch liên kết.

Căn cứ pháp lý chính: Điều 22, Điều 24 và Điều 25.

12. Hóa đơn điện tử và chứng từ điện tử

Hóa đơn điện tử là hóa đơn ở dạng dữ liệu điện tử do tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh lập khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Hóa đơn điện tử gồm hóa đơn điện tử có mã, không có mã và hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế.

Người bán phải lập hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ để giao cho người mua, bảo đảm đầy đủ, trung thực nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Người mua có quyền và trách nhiệm yêu cầu người bán cung cấp hóa đơn điện tử khi mua hàng hóa, dịch vụ và được hưởng biện pháp khuyến khích theo quy định.

Luật cũng quy định về chứng từ điện tử và dịch vụ về chứng từ điện tử, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ với hóa đơn điện tử.

Căn cứ pháp lý chính: Điều 26 và Điều 27.

13. Quản lý thuế trong thương mại điện tử, nền tảng số và giao dịch xuyên biên giới

Luật xác định rõ tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác và các dịch vụ khác thì trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện việc khai, nộp thuế, khoản thu khác tại Việt Nam, trừ trường hợp thuộc diện khấu trừ, khai thay, nộp thay.

Đối với giao dịch xuyên biên giới, Luật bổ sung cơ sở pháp lý cho hợp tác quốc tế về thuế, trao đổi thông tin, thủ tục thỏa thuận song phương (MAP), thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA), quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết và triển khai thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định.

Căn cứ pháp lý chính: Điều 2, Điều 12, Điều 13 và Điều 28 đến Điều 31.

14. Hệ thống thông tin quản lý thuế và bảo vệ quyền lợi khi có sự cố kỹ thuật

Hệ thống thông tin quản lý thuế xử lý tập trung, tích hợp; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ số cho người nộp thuế; thu thập, xử lý, lưu trữ, cập nhật và quản lý thông tin, dữ liệu chính xác, đầy đủ, kịp thời. Toàn bộ quá trình này được ghi nhận, lưu lịch sử trên hệ thống.

Trường hợp phát sinh sự cố kỹ thuật của Hệ thống thông tin quản lý thuế khi người nộp thuế thực hiện giao dịch điện tử dẫn đến người nộp thuế không thể thực hiện được nghĩa vụ thuế theo đúng thời hạn quy định thì người nộp thuế không bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế, không tính tiền chậm nộp tiền thuế và không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ thuế của cơ quan thuế trong thời gian xảy ra sự cố.

Căn cứ pháp lý chính: Điều 35 và Điều 36.

15. Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế

Người nộp thuế có quyền được hỗ trợ, hướng dẫn; được tra cứu, xem, in, sử dụng chứng từ điện tử đã gửi đến Hệ thống thông tin quản lý thuế; được áp dụng chế độ ưu tiên nếu đáp ứng điều kiện; được tra cứu tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế, nhận thông báo số tiền thuế nợ qua tài khoản giao dịch điện tử do cơ quan quản lý thuế cung cấp; được bảo mật thông tin theo quy định; được bảo lưu ý kiến, giải trình; khiếu nại, khởi kiện theo quy định.

Người nộp thuế có nghĩa vụ đăng ký thuế, sử dụng mã số thuế; khai chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ đúng hạn; nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt; tuân thủ chế độ kế toán, sử dụng hóa đơn, chứng từ theo quy định; cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế dưới dạng văn bản giấy hoặc điện tử; vận hành hạ tầng kỹ thuật để thực hiện giao dịch điện tử, kết nối thông tin nghĩa vụ thuế với cơ quan quản lý thuế theo quy định.

Căn cứ pháp lý chính: Điều 37.

16. Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp

Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026; riêng Điều 13 và việc sử dụng hóa đơn điện tử của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại Điều 26 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15 (sau đây gọi là Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14) hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 53 của Luật này; riêng quy định tại Điều 51 của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Các khoản thuế được miễn, giảm, không thu theo quy định của pháp luật tương ứng từng thời kỳ, phát sinh trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 thì tiếp tục xử lý theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14. Các khoản tiền thuế nợ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026 thì được xử lý theo quy định của Luật số 108/2025/QH15.

Các cuộc kiểm tra có quyết định kiểm tra được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa ban hành kết luận hoặc quyết định xử lý thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

Căn cứ pháp lý chính: Điều 52 và Điều 53.

PHẦN III. NGƯỜI NỘP THUẾ CẦN CHUẨN BỊ GÌ

1. Cập nhật quy định mới và văn bản hướng dẫn

Theo dõi nội dung Luật số 108/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành, đặc biệt là các quy định liên quan trực tiếp đến loại hình kinh doanh, ngành nghề, phương thức giao dịch và nghĩa vụ thuế phát sinh.

2. Rà soát thông tin đăng ký thuế

Kiểm tra tên, địa chỉ trụ sở hoặc địa điểm kinh doanh, người đại diện theo pháp luật, thông tin liên hệ, mã số thuế hoặc số định danh cá nhân; cập nhật kịp thời khi có thay đổi để bảo đảm thống nhất với dữ liệu của cơ quan nhà nước.

3. Chuẩn hóa dữ liệu kê khai, kế toán và hóa đơn

Lưu giữ đầy đủ dữ liệu bán hàng, hóa đơn điện tử, chứng từ thanh toán, sao kê giao dịch, hợp đồng điện tử, hồ sơ kế toán và tài liệu liên quan để phục vụ kê khai, hoàn thuế, giải trình, kiểm tra khi cần.

4. Kê khai đầy đủ, đúng hạn và chủ động khai bổ sung

Đối chiếu số liệu trước khi gửi hồ sơ khai thuế; thường xuyên rà soát hồ sơ đã nộp; khai bổ sung hoặc giải trình theo đúng quy định khi phát hiện sai, sót.

5. Nộp thuế đúng mã định danh khoản phải nộp

Khi cơ quan quản lý thuế cung cấp mã định danh khoản phải nộp, người nộp thuế cần sử dụng đúng mã để tránh hạch toán nhầm khoản thu, nhầm kỳ, nhầm người nộp hoặc phát sinh tra soát sau nộp.

6. Sử dụng hóa đơn điện tử đúng quy định

Lập và giao hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; lưu trữ hóa đơn, chứng từ điện tử; không sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp hoặc sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ.

7. Tăng cường sử dụng dịch vụ thuế điện tử

Đăng ký, sử dụng tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế; theo dõi thông báo điện tử; thực hiện kê khai, nộp thuế, tra cứu nghĩa vụ thuế và phản hồi thông tin trên môi trường điện tử.

8. Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Theo dõi doanh thu thực tế, quản lý hóa đơn, chứng từ, thực hiện chế độ kế toán, sổ sách nếu thuộc đối tượng áp dụng; đối chiếu doanh thu trên nền tảng số và theo dõi trách nhiệm khấu trừ, khai thay, nộp thay của chủ quản nền tảng trong trường hợp phát sinh.

9. Đối với doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác

Chuẩn hóa dữ liệu giao dịch điện tử, thanh toán, doanh thu trên nền tảng; lưu giữ chứng từ, hợp đồng, dữ liệu đối soát; thực hiện đúng quy định về kê khai, khấu trừ, nộp thay, giao dịch liên kết và cung cấp thông tin khi có yêu cầu.

10 việc người nộp thuế nên thực hiện ngay

- 1.** Cập nhật các quy định mới của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.
- 2.** Kiểm tra, chuẩn hóa thông tin đăng ký thuế và thông tin định danh.
- 3.** Rà soát dữ liệu doanh thu, chi phí, hồ sơ kế toán và hồ sơ thuế.
- 4.** Rà soát việc lập, quản lý, lưu trữ hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.
- 5.** Kiểm tra tài khoản giao dịch điện tử và thường xuyên theo dõi thông báo của cơ quan thuế.
- 6.** kê khai đầy đủ, trung thực, đúng hạn và chủ động khai bổ sung khi phát hiện sai, sót.
- 7.** Nộp thuế đúng thời hạn, đúng khoản phải nộp và đúng mã định danh khoản phải nộp khi được cấp.
- 8.** Lưu giữ đầy đủ dữ liệu giao dịch điện tử, chứng từ thanh toán, hợp đồng và hồ sơ liên quan.
- 9.** Chủ động phối hợp, giải trình với cơ quan thuế khi có yêu cầu hoặc khi phát hiện thông tin chưa thống nhất.
- 10.** Nâng cao mức độ tuân thủ để được tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính về thuế.

PHẦN IV. NHỮNG CÂU HỎI THƯỜNG GẶP

Câu 1. Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 được ban hành nhằm mục đích gì?

Trả lời: Luật được ban hành nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế, đổi mới phương thức quản lý theo hướng hiện đại, dựa trên dữ liệu, quản lý rủi ro và quản lý tuân thủ; đồng thời cải cách thủ tục hành chính, mở rộng giao dịch điện tử và tạo thuận lợi hơn cho người nộp thuế.

Câu 2. Luật có quy định thêm loại thuế mới không?

Trả lời: Không. Luật không đặt ra sắc thuế mới. Luật điều chỉnh phương thức quản lý thuế, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế và các bên liên quan trong quản lý các loại thuế, khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước.

Câu 3. Luật có hiệu lực khi nào?

Trả lời: Luật có hiệu lực từ ngày 01/7/2026; riêng Điều 13 và việc sử dụng hóa đơn điện tử của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại Điều 26 có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Câu 4. Ai là đối tượng áp dụng của Luật?

Trả lời: Luật áp dụng đối với người nộp thuế; cơ quan quản lý thuế gồm cơ quan thuế và cơ quan hải quan; công chức quản lý thuế; cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Câu 5. Phân nhóm người nộp thuế là gì?

Trả lời: Phân nhóm người nộp thuế là việc cơ quan thuế sử dụng các tiêu chí về ngành nghề, lĩnh vực, loại hình pháp lý, quy mô, doanh thu, số nộp ngân sách, mức độ tuân thủ và lịch sử tuân thủ để áp dụng biện pháp quản lý phù hợp, xác định chế độ ưu tiên và phân bổ nguồn lực quản lý.

Câu 6. Phân nhóm người nộp thuế có làm phát sinh thủ tục mới không?

Trả lời: Không. Đây là phương thức quản lý của cơ quan thuế trên cơ sở dữ liệu và đánh giá rủi ro, không phải thủ tục hành chính mới mà người nộp thuế phải nộp hồ sơ riêng.

Câu 7. Cá nhân có tiếp tục dùng mã số thuế riêng như trước đây không?

Trả lời: Theo Luật, mã số thuế của cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là số định danh cá nhân của cá nhân, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo pháp luật về căn cước. Người nộp thuế cần rà soát để thông tin đăng ký thuế thống nhất với dữ liệu định danh.

Câu 8. Người nộp thuế có trách nhiệm gì khi khai thuế?

Trả lời: Người nộp thuế phải khai chính xác, trung thực, đầy đủ nội dung trong hồ sơ khai thuế, tự tính số tiền thuế phải nộp và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trừ trường hợp cơ quan quản lý thuế tính và thông báo theo quy định.

Câu 9. Khi phát hiện hồ sơ khai thuế có sai, sót thì xử lý thế nào?

Trả lời: Người nộp thuế thực hiện khai bổ sung trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót, nếu thuộc trường hợp được khai bổ sung theo Điều 12. Đối với nội dung đã thanh tra, kiểm tra, người

nộp thuế thực hiện bổ sung hồ sơ giải trình để cơ quan thuế rà soát, chấp thuận theo quy định.

Câu 10. Vì sao thời hạn khai bổ sung là 05 năm?

Trả lời: Quy định này gắn với yêu cầu quản lý trên nền tảng dữ liệu, hóa đơn điện tử, phần mềm kế toán, tờ khai điện tử và quản lý rủi ro; đồng thời khuyến khích người nộp thuế rà soát, khắc phục sai sót kịp thời, không để sai sót kéo dài nhiều năm.

Câu 11. Nếu quá thời hạn 05 năm mới phát hiện sai, sót thì sao?

Trả lời: Nếu quá thời hạn 05 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, khoản thu khác của kỳ tính thuế có sai, sót thì người nộp thuế không thực hiện khai bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 12. Tuy nhiên, người nộp thuế vẫn có trách nhiệm giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan khi cơ quan thuế yêu cầu hoặc khi phát sinh trong quá trình quản lý thuế để cơ quan thuế xem xét, xử lý theo quy định.

Câu 12. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cần lưu ý điểm mới nào?

Trả lời: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định doanh thu, số thuế phải nộp theo quy định. Cơ quan thuế cung cấp thông tin hỗ trợ khai, tính thuế. Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu, Hệ thống thông tin quản lý thuế tự động tạo lập tờ khai để hỗ trợ.

Câu 13. Hộ, cá nhân kinh doanh trên nền tảng số phải kê khai thế nào?

Trả lời: Nếu nền tảng có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán, chủ quản nền tảng trong nước hoặc nước ngoài thực hiện khấu trừ, khai thay và nộp thay số thuế đã khấu trừ. Nếu nền tảng không có đồng thời các chức năng này, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trực tiếp khai, tính và nộp thuế.

Câu 14. Mã định danh khoản phải nộp là gì?

Trả lời: Mã định danh khoản phải nộp là dãy ký tự được tạo trên Hệ thống thông tin quản lý thuế, có tính duy nhất cho từng khoản phải nộp của người nộp thuế. Khi được cấp mã, người nộp thuế cần nộp đúng mã để hệ thống hạch toán chính xác.

Câu 15. Người nộp thuế có thể nộp thuế bằng phương thức nào?

Trả lời: Người nộp thuế có thể nộp bằng phương thức điện tử qua Hệ thống thông tin quản lý thuế, hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc Nhà nước, dịch vụ thanh toán điện tử hoặc nộp trực tiếp tại tổ chức, cơ quan, đơn vị được phép thu theo quy định.

Câu 16. Khi nào bị tính tiền chậm nộp?

Trả lời: Người nộp thuế bị tính tiền chậm nộp khi chậm nộp so với thời hạn, khai bổ sung làm tăng số thuế phải nộp hoặc giảm số được miễn, giảm, hoàn, không thu, hoặc bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện khai thiếu nghĩa vụ thuế và các trường hợp khác theo quy định tại Điều 16.

Câu 17. Mức tính tiền chậm nộp là bao nhiêu?

Trả lời: Mức tính tiền chậm nộp là 0,03%/ngày trên số tiền thuế chậm nộp theo quy định tại Điều 16. Người nộp thuế nếu thuộc trường hợp bất khả kháng có thể được miễn tiền chậm nộp theo quy định.

Câu 18. Luật mới có thay đổi gì về hoàn thuế?

Trả lời: Luật bổ sung cơ sở pháp lý để triển khai hoàn thuế tự động trên cơ sở dữ liệu, tiêu chí quản lý rủi ro, quy trình xử lý tự động và bảo đảm an toàn thông tin. Việc triển khai thực hiện theo từng giai đoạn.

Câu 19. Hoàn thuế giá trị gia tăng có được tự động ngay không?

Trả lời: Luật tạo cơ sở pháp lý cho hoàn thuế tự động, nhưng việc áp dụng đối với từng sắc thuế, từng nhóm hồ sơ phụ thuộc dữ liệu, tiêu chí quản lý rủi ro, quy trình xử lý tự động, điều kiện hạ tầng và văn bản hướng dẫn. Hồ sơ có dữ liệu đầy đủ, minh bạch, rủi ro thấp sẽ có điều kiện thuận lợi hơn khi triển khai.

Câu 20. Luật có quy định miễn, giảm thuế tự động không?

Trả lời: Có. Cơ quan thuế triển khai việc miễn thuế, giảm thuế tự động trên cơ sở dữ liệu, tiêu chí quản lý rủi ro, quy trình xử lý tự động và bảo đảm an toàn thông tin theo lộ trình.

Câu 21. Trường hợp doanh nghiệp bị chậm giao đất, không thể triển khai dự án thì nghĩa vụ tài chính về đất được xử lý thế nào?

Trả lời: Luật bổ sung trường hợp được khoan tiền thuế nợ khi người nộp thuế bị hạn chế trên thực tế quyền khai thác, sử dụng đất đai, khoáng sản được cấp, được giao do nguyên nhân từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền dẫn đến nợ nghĩa vụ tài chính về đất, khoáng sản. Trong thời gian khoan nợ, người nộp thuế tạm thời chưa bị tính tiền chậm nộp theo quy định.

Câu 22. Hoạt động thương mại điện tử có thuộc diện quản lý thuế không?

Trả lời: Có. Kinh doanh trên thương mại điện tử, nền tảng số và mô hình kinh doanh mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định như các hoạt động kinh doanh khác. Luật làm rõ đối tượng và trách nhiệm của chủ quản nền tảng, tổ chức, cá nhân liên quan.

Câu 23. Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh trên nền tảng số tại Việt Nam có phải nộp thuế không?

Trả lời: Có, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện việc khai, nộp thuế tại Việt Nam, trừ trường hợp thuộc diện khấu trừ, khai thay, nộp thay.

Câu 24. Người mua có nên lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ không?

Trả lời: Có. Người mua có quyền và trách nhiệm yêu cầu người bán cung cấp hóa đơn điện tử khi mua hàng hóa, dịch vụ. Việc lấy hóa đơn góp phần bảo vệ quyền lợi của người mua, nâng cao minh bạch giao dịch và phòng, chống thất thu ngân sách.

Câu 25. Người bán cần lưu ý gì khi lập hóa đơn điện tử?

Trả lời: Người bán phải lập hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ để giao cho người mua theo định dạng chuẩn dữ liệu, ghi đầy đủ nội dung theo quy định, phản ánh trung thực nghiệp vụ kinh tế phát sinh và chịu trách nhiệm về tính chính xác của hóa đơn đã lập.

Câu 26. Luật có quy định về chứng từ điện tử không?

Trả lời: Có. Khoản 1 Điều 27 Luật quy định chứng từ điện tử là chứng từ thu thuế, phí, lệ phí hoặc chứng từ khấu trừ thuế ở dạng dữ liệu điện tử do cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức có trách nhiệm khấu trừ thuế cấp cho người nộp thuế bằng phương tiện điện tử.

Câu 27. Người nộp thuế có phải nộp lại thông tin mà cơ quan thuế đã có không?

Trả lời: Người nộp thuế có quyền không phải nộp các chứng từ, tài liệu, không phải gửi các thông tin đã có sẵn trong hồ sơ thuế mà cơ quan quản lý thuế đã có, trừ trường hợp có thay đổi nội dung hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế để phục vụ kiểm tra thuế.

Câu 28. Nếu hệ thống thuế điện tử gặp sự cố thì người nộp thuế có bị phạt không?

Trả lời: Khoản 3 Điều 36 Luật quy định trường hợp phát sinh sự cố kỹ thuật của Hệ thống thông tin quản lý thuế khi người nộp thuế thực hiện giao dịch điện tử dẫn đến người nộp thuế không thể thực hiện được nghĩa vụ thuế theo đúng thời hạn quy định thì người nộp thuế không bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế, không tính tiền chậm nộp tiền thuế và không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ thuế của cơ quan thuế trong thời gian xảy ra sự cố.

Câu 29. Người nộp thuế có quyền gì nổi bật theo Luật mới?

Trả lời: Luật số 108/2025/QH15 bổ sung quy định một số quyền của người nộp thuế phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số, hiện đại hóa công tác quản lý thuế, như: được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, hải quan nếu đáp ứng đủ các điều kiện về chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật; được tra cứu tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế, nhận thông báo số tiền thuế nợ qua tài khoản giao dịch điện tử do cơ quan quản lý thuế cung cấp; không phải nộp các chứng từ, tài liệu, không phải gửi các thông tin đã có sẵn trong hồ sơ thuế mà cơ quan quản lý thuế đã có (khoản 1 Điều 37).

Câu 30. Người nộp thuế có nghĩa vụ gì cần đặc biệt lưu ý?

Trả lời: Người nộp thuế phải đăng ký thuế, sử dụng mã số thuế; khai chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ đúng hạn; nộp đủ, đúng hạn số tiền phải nộp; tuân thủ kế toán, hóa đơn, chứng từ; cung cấp thông tin, tài liệu; thực hiện giao dịch điện tử, kết nối thông tin nghĩa vụ thuế theo quy định.

Câu 31. Quản lý rủi ro, quản lý tuân thủ tác động thế nào đến người nộp thuế?

Trả lời: Người nộp thuế tuân thủ tốt, minh bạch dữ liệu và hợp tác đầy đủ sẽ có điều kiện được hỗ trợ, tạo thuận lợi, áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định. Ngược lại, trường hợp rủi ro cao sẽ bị tăng cường giám sát, kiểm tra, xử lý kịp thời.

Câu 32. Điều kiện để được áp dụng chế độ ưu tiên là gì?

Trả lời: Luật giao Chính phủ và Bộ Tài chính quy định chi tiết. Về nguyên tắc, cơ chế ưu tiên gắn với mức độ tuân thủ tốt, rủi ro thấp, lịch sử chấp hành pháp luật thuế, mức độ hợp tác và khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu điện tử với cơ quan quản lý thuế.

Câu 33. Cơ quan thuế có thể kiểm tra trực tuyến, từ xa không?

Trả lời: Có. Luật quy định nguyên tắc kiểm tra thuế áp dụng quản lý rủi ro và ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra thuế, ưu tiên kiểm tra trực tuyến, từ xa trên dữ liệu điện tử (Khoản 1 Điều 22).

Câu 34. Luật có bảo mật thông tin người nộp thuế không?

Trả lời: Có, mục đích nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người nộp thuế về việc được bảo mật thông tin theo quy định, đồng thời quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được cung cấp thông tin. Cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế, cơ quan, tổ chức, cá nhân được cung cấp thông tin hoặc tham gia chia sẻ, trao đổi thông tin người nộp thuế phục vụ công tác quản lý thuế phải sử dụng thông tin đúng mục đích và bảo mật thông tin theo quy định, trừ các trường hợp được cung cấp, công khai thông tin theo quy định (Điều 7).

Câu 35. Người nộp thuế cần làm gì để thực hiện tốt Luật số 108/2025/QH15?

Trả lời: Người nộp thuế cần chủ động cập nhật quy định mới tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và các văn bản quy định chi tiết; chuẩn hóa thông tin đăng ký thuế và dữ liệu định danh; kê khai, nộp thuế đúng hạn; sử dụng hóa đơn điện tử đúng quy định; lưu giữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu điện tử; theo dõi tài khoản giao dịch điện tử và phối hợp với cơ quan thuế khi có yêu cầu.